

# MÔ HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HÀNH VI NỊNH TRONG TIẾNG VIỆT

## GENERAL EXPRESSIONS OF FLATTERY ACTION IN VIETNAMESE

NGUYỄN THỊ THANH HUỆ

(NCS, Khoa Ngoại ngữ, CĐSP Hà Nội)

### Abstract

One of the most used language actions in human communication, especially in the modern society, is flattery. The article focuses on general flattery expressions in Vietnamese. The author has suggested the concepts of context and communicative role before examining specific components of language flattery expressions. Besides the detailed description of general language flattery expressions, the article also gives the statistics of their sub-variants.

### 1. Dẫn nhập

1.1. Ngôn ngữ phản ánh tư duy. Con người, với tư cách là chủ thể nhận thức thế giới xung quanh, sẽ phản ánh tư duy của mình về thế giới đó qua ngôn ngữ. Bản thân mỗi ngôn ngữ đều hàm chứa trong nó những đặc trưng văn hoá, lịch sử, tâm lí riêng biệt. Dưới góc độ ngôn ngữ học, nghiên cứu hành vi ngôn ngữ nhằm tìm hiểu cách tư duy của một dân tộc. Không những thế nghiên cứu ngôn ngữ trong mối quan hệ với người sử dụng sẽ giúp con người sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả hơn.

Trong giao tiếp, con người sử dụng nhiều hành vi ngôn ngữ, trong đó có hành vi nịnh. Nịnh là một hành vi ngôn ngữ được con người sử dụng trong những tình huống khác nhau. Việc nghiên cứu cấu trúc – ngữ nghĩa, phương tiện thể hiện, các tác nhân quyết định hiệu quả của hành vi nịnh là một vấn đề cần thiết. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có một công trình riêng biệt nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về hành vi nịnh. Trong phạm vi bài báo này chúng tôi xin được bước đầu thiết lập biểu thức hành vi nịnh trong tiếng Việt.

#### 1. 2. Khái niệm hành vi nịnh

Trong quá trình nghiên cứu, Searle đã dựa vào 12 tiêu chí để phân loại hành động ngôn ngữ, trong đó có 4 tiêu chí quan trọng nhất là:

- + đích ở lời
- + hướng khớp ghép lời với hiện thực
- + trạng thái tâm lí
- + nội dung mệnh đề

Kết quả là Searle đã phân hành động ngôn ngữ thành 5 nhóm lớn:

+ nhóm hành động trình bày: ví như các hành động miêu tả, kể, xác nhận, khẳng định, thông báo, báo cáo...

+ Nhóm hành động điều khiển: ví như các hành động yêu cầu, đề nghị, sai, ra lệnh, mời, khuyên ...

+ Nhóm hành động cam kết: ví như các hành động hứa, hứa hẹn, đe dọa ...

+ Nhóm hành động biểu cảm: ví như các hành động khen, chê, xin lỗi, cảm ơn, phê bình...

+ Nhóm hành động tuyên bố: ví như các hành động tuyên bố, tuyên án, buộc tội...

Hành vi nịnh là một tiểu loại hành động ngôn ngữ thuộc nhóm biểu cảm.

Theo “Từ điển tiếng Việt” của Viện Ngôn ngữ học xuất bản năm 1988, tái bản năm 2004, thì “nịnh” được định nghĩa như sau:

**Nịnh:** đg. Khen quá đáng hoặc khen không đúng, chỉ cốt để làm đẹp lòng (thường nhằm mục đích cầu lợi). *Tình ưa nịnh. Nịnh cấp trên. Cười nịnh.* [23, 731]

Như vậy, chúng ta có thể định nghĩa hành vi nịnh một cách khái

quát như sau:

“*Hành vi nịnh là một tiểu loại hành động ngôn ngữ thuộc nhóm hành động biểu cảm. Hành vi nịnh là hành vi khen quá đáng hoặc khen không đúng chỉ cốt để làm đẹp lòng đối phương nhằm mục đích cầu lợi*”.

Định nghĩa trên chỉ rõ điều kiện để hình thành nên hành vi nịnh bao gồm 4 yếu tố sau:

- Chủ thể hành vi nịnh
- Đối tượng tiếp nhận hành vi nịnh
- Hành vi khen quá đáng hoặc khen không đúng.
- Mục đích cầu lợi. (Điều này khác biệt với hành vi khen ở chỗ là hành vi khen không hề có mục đích cầu lợi trong đó).

### 1.3. Bối cảnh và vai giao tiếp trong hành vi nịnh

Mục đích chính của hành vi nịnh là mục đích cầu lợi của người nói (người nịnh – SP1) chính vì vậy hành vi nịnh không bị giới hạn trong bối cảnh giao tiếp nào mà nó có thể xuất hiện hầu hết ở mọi bối cảnh giao tiếp như cơ quan đoàn thể; gia đình; tình yêu; bạn bè... Mục đích cầu lợi của SP1 quy định hành vi nịnh và các phương thức biểu hiện của nó. Tuy nhiên tùy vào những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau mà hành vi này cũng nhận được sự hồi đáp khác nhau của SP2.

Trong giao tiếp, quan hệ liên nhân là sự liên đới của vai giao tiếp xét trong tương quan xã hội, hiểu biết, tình cảm giữa các nhân vật giao tiếp với nhau. Mỗi quan hệ này được thể hiện trên cả hai trục: (i) trục quyền thế xã hội (hay còn gọi là trục quyền uy (power)) và (ii) trục quan hệ khoảng cách (distance) (hay còn gọi là thân sơ (solidarity)). Khi nói đến quan hệ giao tiếp là muốn nói đến mối quan hệ giữa các thành viên tham gia trong một thoại trường cụ thể. Mỗi một người trong một quan hệ giao tiếp khác nhau lại có một vai giao tiếp khác nhau. Hành vi nịnh xuất hiện phổ biến trong các mối quan hệ đối thoại. Trong cuộc đối thoại đó, hành vi nịnh thể hiện ở

2 vai chính: SP1- người nịnh và SP2 - người tiếp nhận hành vi nịnh.

### 2. Biểu thức tổng quát của hành vi nịnh trong tiếng Việt

Biểu thức *hành vi nịnh* là những công thức nói năng mà khi nói nó ra là người nói thực hiện một hành động ở lời *nịnh*.

Trên cơ sở ngữ liệu thu được, chúng tôi khái quát hóa biểu thức hành vi nịnh như sau

**(X), SP1 + V sp1 + SP2 + NDMD, (Y)**

1. Em thấy anh còn khỏe mạnh, minh mẫn, sáng suốt.

2. (Chà) trông bà thiệt đẹp, (da dẻ ngày càng trắng trẻo).

Trong đó:

X, Y: Thành phần mở rộng của hành vi nịnh

SP1: Người thực hiện hành vi nịnh - ngôi thứ nhất.

V\_sp1: Những động từ chỉ sự nhận định gắn liền với SP1 như: thấy, thấy rằng, cảm thấy, cho rằng ....

NDMD: Nội dung thông tin nịnh

SP2: Người tiếp nhận hành vi nịnh ở ngôi thứ

2

#### 2.1. Thành phần X – Y

##### 2.1.1. Thành phần X

X là một thành phần làm chức năng tiếp xúc (contact) cho hành vi nịnh. Thành phần này có thể có hoặc không, tuy nhiên khi sử dụng thành phần này, hiệu quả của hành vi nịnh tăng lên rất nhiều.

Các phương thức biểu đạt của thành phần X cũng rất đa dạng và phong phú, cụ thể như sau:

#### (1) Sử dụng thán từ

Các thán từ thường có tác dụng làm cho phát ngôn của SP1 uyển chuyển hơn, như vậy SP2 cũng dễ dàng tiếp nhận nội dung SP1 đưa ra hơn.

**Các thán từ thường sử dụng trong tiếng Việt là: eo ôi, gớm, chao ôi, ô, ôi, ồ, giời ơi, trời ơi, chao ôi, ái chà ....**

[1] **Chao ôi**, việc làm của các anh to lớn khắp thế gian, quý báu thay! Sức chúng em giúp rập được bao nhiêu, xin chẳng từ nan.

#### (2). Sử dụng kính ngữ

Kính ngữ là một thành tố quan trọng tham gia vào hoạt động giao tiếp của người Việt. Thông thường, kính ngữ được các đối ngôn sử dụng vào

mục đích tăng cường tính trang trọng, lịch sự cho phát ngôn. Trong những tình huống giao tiếp nhất định, giữa một phát ngôn có sử dụng kính ngữ và một phát ngôn không sử dụng kính ngữ sẽ tạo nên sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả giao tiếp. Chính vì vậy trong chiến lược giao tiếp của hành vi nịnh, kính ngữ được SP1 dùng với tần suất rất lớn.

**Những tiểu loại kính ngữ thường dùng trong tiếng Việt là: Thưa..., Bẩm ..., ... kính mến v.v.**

[2] **Thưa**, anh là thủ trưởng trẻ nhất từ trước tới nay đây, trẻ hơn tổng thống Mĩ Clinton khi bắt đầu lên làm tổng thống Mĩ ạ

### (3). Hành vi ngôn ngữ phụ trợ

Thành phần X có thể do các hành vi ngôn ngữ khác làm thành, cụ thể như:

#### Hành vi rào đón

[3] **Chị là chị Quỳnh ạ**, đọc tên chị mãi hôm nay mới được gặp, em chỉ biết mặt chị qua ảnh thôi.

#### Hành vi thề

[4] **Thề có trời đất**, anh là người giỏi vi tính nhất em từng gặp.

#### Hành vi cam kết – khẳng định

[5] **Thật thế đấy, bỏ ạ**. Con đi quảng cáo cho bố ở mấy tiệm, ai cũng phục lẫn ra. Ai cũng khao khát muốn gặp bố lắm đây! Nếu bây giờ bố chịu ở đây mở ngôi hàng xem số cho thiên hạ thì mấy anh thầy Tàu những anh Thần Cốc Tử, những anh Quý Cốc Tử chẳng hạn, là cứ chết nhăn răng ra...

#### Hành vi tán thành

[6] **Hoan hô**, sao trên đời lại có người thông thái đến thế nhỉ?

#### Hành vi hoài nghi

[7] **Thật ạ?** Mẹ thật là tuyệt vời.

#### 2.1.2. Thành phần Y

Thành phần Y đứng ở cuối biểu thức hành vi nịnh, dùng để bổ sung cho nội dung mệnh đề. Cũng như thành phần X, thành phần này có thể có hoặc không. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp thành phần Y giúp SP1 nâng hiệu quả của hành vi này lên rất nhiều. Căn cứ vào nội dung của Y, có thể chia ra làm những trường hợp nhỏ sau:

#### (1). Thuyết minh cho mệnh đề chính

[8] Anh Lâm giỏi ghê nhỉ, **trẻ như thế mà đã là trưởng phòng**, người như anh chắc là nhiều cơ mê lắm.

#### (2). Đưa ra mục đích, quyền lợi cho người phát ngôn

[9] Tranh vẽ hôm nay lên tay ghê, phối màu rất bạo, đẹp lắm. **Mà mình quên bút màu, cho mình xin nghe.**

#### (3). Đưa ra yêu cầu của người phát ngôn

[10] Được lắm! Con ngoan ngoan lắm, để ta thưởng cho nhiều tiền! **Con hãy lên xe này để quan đóng cửa không rét quan...** Ta đang đếm tiền đây.

#### (4). Đưa ra cam kết, hứa hẹn của người phát ngôn

[11] Em mặc bộ này đẹp lắm, đến chị còn mê nữa là cánh đàn ông. Cố gắng giúp chị việc này nhé, **xong chị cho em con future.**

#### 2.1.3 Thành phần SP1

SP1 đóng vai chủ thể phát ngôn nịnh. Trong chiến lược nịnh của SP1, từ ngữ xưng hô là một thành tố quan trọng, nó quyết định rất nhiều đến hiệu quả của hành vi. Hệ thống các từ xưng hô trong tiếng Việt vô cùng phong phú. Tùy từng bình diện quan hệ, từng ngôn cảnh, vị trí thứ bậc giao tiếp khác nhau, các đối ngôn sử dụng linh hoạt các từ ngữ xưng hô cho phù hợp.

Từ xưng hô thường gặp của SP1 là cách xưng hô lễ phép, nhiều lúc còn là cách xưng hô hạ thấp mình một cách quá đáng.

[12] Ông anh sáng suốt, **thằng em này** cạn nghĩ, xin tự phạt.

Thông kê chung, SP1 trong hành vi nịnh có thể là:

- Các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít: *tôi, tớ, mình, ...*

- Các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều: *chúng tôi, chúng tớ...*

- Các danh từ thân tộc được sử dụng để chỉ ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều (không bao gồm người nghe): *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cô, dì...*

- Các cụm từ chỉ sự xưng ngôi thứ nhất: *thằng em này, ...*

#### 2.1.4. Thành phần V<sub>SP1</sub>

V<sub>sp1</sub> thường là những động từ hay cụm động từ biểu thị sự nhận thức chủ quan của cá nhân SP1 như: **thấy, thấy rằng, tin, tin rằng, nghe**

**nói, trông** ....Những động từ này không phải là động từ ngữ vi mà là các động từ biểu hiện.

[13] Em **thấy** anh còn khỏe mạnh, minh mẫn, sáng suốt.

Thành phần V<sub>sp1</sub> đóng vai trò quan trọng trong biểu thức nịnh, tuy nhiên trong biểu thức nịnh, giống như SP1, thành phần V<sub>SP1</sub> cũng thường bị ẩn đi.

[14](Em) (thấy) Anh đúng là người có nhân cách lớn mới dám mắng nó như thế.

#### 2.1.5. Thành phần SP2

Thường thì SP2 được SP1 gọi với những từ ngữ xưng hô vô cùng lễ phép:

[15] **Thầy** còn lạ gì tính nhà con, mười nét tốt của thầy thì cũng học được một nửa, cái gì cũng xuề xòa, giản dị.

Ngược với sự hạ thấp mình của SP1, SP2 lại luôn được SP1 nâng cao vị thế, cụ thể như:

**Gọi chức vụ của đối phương: giám đốc, trưởng phòng, ...**

**Gọi chức vụ một cách dân dã: thủ trưởng, sếp ...**

[16] Các bạn trông, **sếp** có chiếc diplômat đẹp hết ý, cặp này mới xứng đáng xách đi họp ở các nước chứ!

**Gọi là quan lớn, bà lớn (thời xưa) hoặc gọi là ngài, quý ông, quý bà, quý cô (thời nay)....**

[17] Thưa **ngài**, được nghe đại danh đã lâu, nay mới gặp ngài tôi lấy làm thỏa thích lắm.

#### **Cách gọi suông sã: ông anh, bà chị...**

[18] Gớm, giọng **bà chị** trẻ trung quá, em nghe mà không chịu đựng được.

#### 2.1.6. Thành phần NDMĐ

Thông thường, người nịnh thường tìm mọi đặc trưng của đối phương để làm chủ đề nịnh, chính vì vậy khi SP2 xuất hiện trước SP1 thì nhân thân của SP2 là một trong những chủ đề được nịnh nhiều nhất. Chủ đề “nhân thân” này cũng được xuất hiện hầu hết trong các bối cảnh nịnh hót.

[19] Thưa, anh là thủ trưởng trẻ nhất từ trước tới nay đây, trẻ hơn tổng thống Mĩ Clinton khi bắt đầu lên làm tổng thống Mĩ à!

Ngoài ra **Cương vị, chức năng của đối phương** cũng được SP1 dùng để làm đối tượng nịnh nhiều

[20] Anh đúng là **người có nhân cách lớn** mới dám mắng nó như thế.

Bên cạnh đặc trưng “**nhân thân**”, đặc trưng “**phẩm chất**” được xuất hiện hầu hết trong các bối cảnh nịnh hót.

[21] Chao ôi, trần đời em chưa thấy ai rộng bụng như chị. Chị thương em đến thế là cùng. Chị không muốn để em mang công mắc nợ nên cho em cả cái lần con. Thôi thì, em xin luôn chị vậy.

2.2. Các biến thể của mô hình nịnh trong tiếng Việt

#### 2.2.1. Thiếu thành phần SP1:

Có những trường hợp SP1 không cần xuất hiện. Tuy nhiên V<sub>sp1</sub> khi đó lại bị giới hạn bởi động từ “**Trông**” và nội dung nịnh cũng thường giới hạn bởi nhân thân của đối phương. Khi đó biểu thức mới của hành vi nịnh sẽ là:

**(X), V<sub>sp1</sub> + SP2 + NDMĐ, (Y)**

[22] Ôi lâu ngày quá! Tớ vẫn nhắc cậu luôn! **Trông** cậu hồi này trẻ đẹp hẳn ra!

#### 2.2.2. Thiếu thành phần SP1; V<sub>sp1</sub>:

**(X), SP2 + NDMĐ, (Y)**

Biểu thức (X), SP2 + NDMĐ, (Y) là biểu thức thường thấy nhất của hành vi nịnh. NDMĐ lại được chia ra làm các tiểu loại nhỏ sau:

(1). **(X), SP2 + hư từ + NDN, (Y)**

Các hư từ xuất hiện trong biểu thức thường là: quá là, thật là, đúng là. ...

[23] Anh **đúng là** người có nhân cách lớn mới dám mắng nó như thế.

(2). **(X), SP2 + NDN + hư từ, (Y)**

Khi hư từ đứng sau nội dung nịnh thì thường là các từ biểu thị mức độ cao như: **quá, đấy, quá đấy, thật đấy, thật, quá đi mất...**

[24] Ông anh khéo nói **quá**.

(3). **(X), SP2 + Kết cấu biểu thị mức độ cao (NDN), (Y)**

Các kết cấu ở đây thường là cặp liên từ: **vừa ... vừa..., đã ... lại ...** Như vậy biểu thức nịnh khi đó sẽ là:

**(X), SP2 + vừa ... vừa ...\ đã ... lại ...\ ... , (Y)**

[25] Ấy **vừa** hát hay lại **vừa** đàn giỏi, tớ thật là ngưỡng mộ.

(4). **Các hình thức hỏi**

Ở đây các câu hỏi không với mục đích để đối phương SP2 trả lời mà để nhấn mạnh chủ ý nịnh của SP1. Các hình thức hỏi thường là:

Sao ..... **nhỉ/ thế/ thế nhỉ/ đến thế nhỉ?**

**Chắc ..... nhỉ?**

[26] Người đẹp như em thế này **chắc** hát hay **lắm** nhỉ?

(5). *Các hình thức so sánh*

**ĐTSS: đối tượng so sánh**

**NDSS: nội dung so sánh**

**So sánh ngang bằng**

+ (X), SP2 + **như/ giống như/ như là...** + **ĐTSS** + ..... , (Y)

[27] Anh cứ **như là** nhân viên tình báo ý, cái gì cũng biết.

+ (X), NDSS + **như/ giống/ ...** + SP2+ ..... , (Y)

[28] Đẹp **như** cô, thông minh **như** cô thiếu gì đàn ông.

**So sánh hơn**

(X), SP2 + NDSS + **hơn** + ĐTSS, (Y)

[29] Tôi có được cậu **hơn** Lưu Bị có Gia Cát.

**So sánh nhất**

(X), SP2 + NDSS + **nhất/ nhất trần đời**, (Y)

[30] Hay! Hay! Cụ đoán số thế thì **tuyệt nhất trần đời!**

2.2.3. *Thiếu thành phần SP2:*

(X), (SP1) + (V\_sp1) + NDMD, (Y)

Trong nhiều trường hợp biểu thức của hành vi nịnh chỉ còn lại nội dung nịnh, SP1 và SP2 bị ẩn đi.

[31] Tranh vẽ hôm nay lên tay ghê, phối màu rất bạo, đẹp lắm. Mà mình quên bút màu, cho mình xin nghe.

2.2.4. *Thay đổi trật tự các thành phần trong biểu thức*

(1). (X), SP1 + **mới gặp/ mới thấy/chưa gặp/ chưa thấy/ không ai ...** + NDN + **như/ giống/ ...** + SP2, (Y)

[32] Lâu lắm rồi tôi mới gặp một người có tướng mạo đại quý **như anh** đây.

(2). (X), SP2 + **là + ... + của** + SP1, (Y)

[33] Anh **là** vị cứu tinh **của** em.

(3). (X), SP2 + **giúp đỡ/ cứu giúp/ cứu rỗi + SP1**, (Y)

[34] Anh đã **cứu rỗi** cuộc đời em.

3. **Kết luận**

Hành vi nịnh là một tiêu loại hành động ngôn ngữ thuộc nhóm hành động biểu cảm. Hành vi nịnh là hành vi khen quá đáng hoặc khen không đúng chỉ cốt làm đẹp lòng đối phương nhằm mục đích cầu lợi.

Một BTHVNTM ở dạng đầy đủ bao gồm 4 thành phần:

SP1: Người nói, người thực hiện hành vi nịnh ở ngôi thứ nhất.

V\_sp1: Những động từ chỉ sự nhận định gắn liền với SP1 như: thấy, thấy rằng, cảm thấy, cho rằng ....

NDN: Nội dung thông tin nịnh

SP2: Người tiếp nhận hành vi nịnh ở ngôi thứ 2

Ngoài ra còn có thêm sự xuất hiện của 2 thành phần mở rộng X - Y đứng ở trước và sau biểu thức hành vi nịnh.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1996), *Cơ sở Ngữ dụng học tập 1*, NXB Đại học sư phạm.
2. Đỗ Hữu Châu, Đỗ Việt Hùng (2007), *Ngữ dụng học*, giáo trình CĐSP, Nxb Đại học Sư phạm
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục
4. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội
5. Dương Tuyết Hạnh (2007), *Hành vi nhờ và sự kiện lời nói nhờ trong giao tiếp bằng tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội những vấn đề cơ bản*, NXB Khoa học xã hội.
7. Đào Nguyên Phúc (2007), *Lịch sử trong đoạn thoại xin phép của tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Viện ngôn ngữ học, Hà Nội
8. Nguyễn Văn Quang (1999), *Một số khác biệt giao tiếp lời nói Việt-Mỹ trong cách thức khen và tiếp nhận lời khen*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
9. Hà Thị Hải Yến (2006), *Hành vi cảm thán và sự kiện lời nói cảm thán trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Viện ngôn ngữ học, Hà Nội
10. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2006), *Sự kiện lời nói chê trong tiếng Việt (cấu trúc và ngữ nghĩa)*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-12-2012)